

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 724/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xuất cấp vật tư, thiết bị từ nguồn dự trữ quốc gia năm 2025
cho các Bộ, địa phương và điều chỉnh số liệu tại Quyết định
số 693/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại các văn bản: số 4148/BTC-DTNN ngày 02 tháng 4 năm 2025, số 3755/BTC-NSNN ngày 25 tháng 3 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Bộ Tài chính xuất cấp không thu tiền vật tư, thiết bị từ nguồn dự trữ quốc gia năm 2025 cho các Bộ, địa phương để phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại Phụ lục kèm theo.

2. Bộ Tài chính xử lý cụ thể theo quy định; theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm về căn cứ, thông tin, số liệu báo cáo, đề xuất. Các Bộ, địa phương tại Phụ lục nêu tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu và số lượng đề xuất; tiếp nhận, phân bổ, cấp phát hàng dự trữ quốc gia đúng quy định, đúng đối tượng, đúng mục đích; quản lý, sử dụng, bảo quản và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn phối hợp với các Bộ, địa phương thực hiện cấp phát hàng dự trữ quốc gia theo quy định; theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, địa phương liên quan kiểm tra việc cấp phát quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả.

Điều 2. Điều chỉnh số liệu tại Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương dịp giáp hạt đầu năm 2025

Điều chỉnh số lượng gạo dự trữ quốc gia xuất cấp cho tỉnh Điện Biên để cứu đói cho Nhân dân dịp giáp hạt đầu năm 2025 từ 846,456 tấn gạo thành 846,465 tấn gạo như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 3755/BTC-NSNN ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Quốc phòng, Công an, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh nêu tại Điều 1; Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

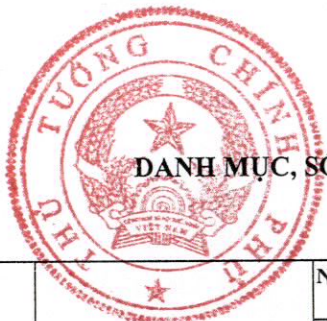
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng CP, PTTg Hồ Đức Phớc;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
các Vụ: NC, KGVX, QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KTTH (2).



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phớc



Phụ lục

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VẬT TƯ, THIẾT BỊ DỰ TRỮ QUỐC GIA XUẤT CẤP CHO CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **724** /QĐ-TTg ngày **06** tháng **4** năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NHÀ BẠT CỨU SINH CÁC LOẠI		PHAO CỨU SINH CÁC LOẠI			MÁY PHÁT ĐIỆN CÁC LOẠI				TRANG THIẾT BỊ KHÁC				
		16,5 m2	24,75 m2	Phao tròn cứu sinh	Phao áo cứu sinh	Bè nhẹ cứu sinh	30 KVA	50 KVA	136-150 KVA	150 KVA	Máy bơm nước chữa cháy (Thiết bị chữa đồng bộ)	Thiết bị khoan cắt	Máy khoan phá bê tông	Thiết bị tìm kiếm nạn nhân bằng âm thanh và hình ảnh	Thiết bị phóng dây cứu hộ
		bộ	bộ	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	bộ	bộ	chiếc	bộ	bộ
	TỔNG CỘNG	751	247	58.750	101.804	1.040	20	15	4	5	150	9	24	10	20
A	CÁC BỘ	421	162	18.932	31.943	575	17	11	3	4	43	3	7	4	6
1	Bộ Quốc phòng	411	152	14.242	25.544	530	16	11	2	4	40	-	5	-	-
2	Bộ Công an	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	4	4
3	Bộ Xây dựng	10	10	3.590	4.399	45	1	-	-	-	3	-	2	-	2
4	Bộ Công thương	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-
5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-	-	1.100	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	CÁC ĐỊA PHƯƠNG	330	85	39.818	69.861	465	3	4	1	1	107	6	17	6	14
1	Lạng Sơn	10	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-
2	Bắc Giang	10	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-
3	Thái Nguyên	10	-	2.000	2.000	25	-	-	-	-	12	-	-	-	-
4	Tuyên Quang	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Phú Thọ	20	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Yên Bái	20	-	500	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Lào Cai	20	10	350	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Điện Biên	20	5	610	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Sơn La	20	5	1.468	2.499	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-
11	Hòa Bình	10	-	-	1.400	10	-	-	-	-	5	-	-	-	-
12	Hải Dương	-	-	900	900	30	-	-	-	-	2	-	-	-	-
13	Hưng Yên	-	-	-	-	10	-	-	-	-	2	-	-	-	-
14	Hải Phòng	10	-	2.000	5.600	50	-	-	1	-	2	-	1	-	2
15	Thái Bình	5	5	290	1.700	10	-	-	-	-	2	-	-	-	-

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NHÀ BẠT CỨU SINH CÁC LOẠI		PHAO CỨU SINH CÁC LOẠI			MÁY PHÁT ĐIỆN CÁC LOẠI				TRANG THIẾT BỊ KHÁC				
		16,5 m2	24,75 m2	Phao tròn cứu sinh	Phao áo cứu sinh	Bè nhẹ cứu sinh	30 KVA	50 KVA	136-150 KVA	150 KVA	Máy bơm nước chữa cháy (Thiết bị chữa đông bộ)	Thiết bị khoan cắt	Máy khoan phá bê tông	Thiết bị tìm kiếm nạn nhân bằng âm thanh và hình ảnh	Thiết bị phóng dây cứu hộ
		bộ	bộ	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	chiếc	bộ	bộ	chiếc	bộ	bộ
16	Nam Định	10	-	1.795	2.500	10	-	-	-	1	2	-	-	-	-
17	Hà Nam	-	-	205	200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Thanh Hóa	10	-	2.000	3.000	25	1	-	-	-	-	-	1	-	1
19	Hà Tĩnh	10	-	600	2.500	-	-	1	-	-	3	-	2	-	1
20	Quảng Bình	10	-	4.400	5.663	-	-	-	-	-	3	-	1	-	2
21	Quảng Trị	10	-	4.250	5.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
22	Huế	10	-	1.750	2.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
23	Quảng Nam	10	-	3.100	8.000	25	-	-	-	-	5	1	2	1	-
24	Quảng Ngãi	10	-	1.100	3.300	35	-	-	-	-	5	-	2	1	-
25	Bình Định	10	-	1.200	1.000	30	-	1	-	-	-	-	1	-	1
26	Ninh Thuận	15	10	-	500	10	-	-	-	-	-	-	-	-	1
27	Gia Lai	10	-	2.000	2.099	20	1	-	-	-	3	-	1	-	-
28	Đắk Lắk	20	-	1.250	2.500	20	-	-	-	-	3	-	1	-	-
29	Đắk Nông	5	-	-	1.000	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-
30	Bình Thuận	15	15	450	700	20	-	-	-	-	3	-	1	-	1
31	Tây Ninh	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	5	1	-	1	-
32	Bình Phước	-	5	1.000	1.000	20	1	-	-	-	3	-	-	-	-
33	Bà Rịa-Vũng Tàu	-	-	1.000	2.000	30	-	-	-	-	4	1	-	1	1
34	Long An	-	-	500	2.100	30	-	-	-	-	5	1	-	1	-
35	Đồng Tháp	-	5	-	500	10	-	-	-	-	4	-	-	-	-
36	Tiền Giang	-	5	-	-	5	-	-	-	-	4	-	1	-	-
37	Bến Tre	-	5	550	500	10	-	-	-	-	4	-	-	-	-
38	Trà Vinh	-	5	650	1.100	5	-	-	-	-	3	-	1	-	-
39	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	1	-
40	An Giang	-	5	2.200	2.100	15	-	-	-	-	3	-	-	-	1
41	Hậu Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-
42	Cà Mau	-	-	1.700	2.100	10	-	1	-	-	3	-	1	-	1